

Số : / PC3I-TC

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA  
NĂM 2020 SO VỚI NĂM 2019 (SAU KIỂM TOÁN)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (MCK: PIC, sàn giao dịch: HNX) xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 so với năm 2019 (sau kiểm toán) như sau:

**1. Báo cáo tài chính tổng hợp**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 : 19.738.910.171 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 : 18.530.306.167 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 tăng so với năm 2019 là 1.208.604.004 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 6,52%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Năm 2020 (1)	Năm 2019 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	101.558.759.609	98.372.330.448	3.186.429.161	103,24%
2. Giá vốn hàng bán	50.876.609.356	51.074.880.943	-198.271.587	99,61%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	50.682.150.253	47.297.449.505	3.384.700.748	107,16%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	879.415.137	465.587.269	413.827.868	188,88%
5. Chi phí tài chính	16.482.236.045	17.859.120.083	-1.376.884.038	92,29%
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.164.166.240	10.834.440.356	329.725.884	103,04%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.915.163.105	19.069.476.335	4.845.686.770	125,41%
9. Thu nhập khác	412.722.550	4.426.539.560	-4.013.817.010	9,32%
10. Chi phí khác	3.580.637.206	4.375.595.060	-794.957.854	81,83%
11. Lợi nhuận khác	-3.167.914.656	50.944.500	-3.218.859.156	-6.218,36%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.747.248.449	19.120.420.835	1.626.827.614	108,51%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.008.338.278	590.114.668	418.223.610	170,87%
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>19.738.910.171</b>	<b>18.530.306.167</b>	<b>1.208.604.004</b>	<b>106,52%</b>

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2020 tăng so với năm 2019 như sau:

Mặc dù 9 tháng đầu năm 2020 thời tiết khô hạn kéo dài gây thiếu nước để phát điện, nhưng trong quý 4/2020 thời tiết đã có mưa và Công ty đã tổ chức tốt công tác vận hành

các nhà máy thủy điện nên tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 83,66 triệu kWh (đạt 102,74% kế hoạch năm 2020 và đạt 108,63% so với cùng kỳ năm trước); doanh thu bán điện 101,56 tỷ đồng (đạt 98,02% kế hoạch năm 2020 và đạt 103,24% so với cùng kỳ năm trước), cụ thể như sau:

Nội dung	NMTĐ Đắk Pône		NMTĐ Đa Krông 1		Cộng	
	Doanh thu trước thuế (tr.đồng)	Sản lượng điện (kwh)	Doanh thu trước thuế (tr.đồng)	Sản lượng điện (kwh)	Doanh thu trước thuế (tr.đồng)	Sản lượng điện (kwh)
1. Năm 2019	63.261,13	54.284.149	35.111,20	22.731.311	98.372,33	77.015.460,00
2. Năm 2020	61.701,41	54.009.262	39.855,54	29.650.116	101.556,94	83.659.378,00
3. Chênh lệch (2-1)	-1.559,73	-274.887,00	4.744,34	6.918.805,00	3.184,61	6.643.918,00
4. Tỷ lệ % tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ 2019	97,53%	99,49%	113,51%	130,44%	103,24%	108,63%

Với kết quả như trên dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2020 tăng 25,41% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do thực hiện xử lý chi phí dừng thực hiện vĩnh viễn dự án thủy điện Sông Tranh 5 trong năm 2019 (nội dung này phát sinh so với kế hoạch được duyệt) với số tiền 3,19 tỷ đồng nên lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 6,52% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ chi phí dừng thực hiện vĩnh viễn dự án thủy điện Sông Tranh 5 thì lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 sẽ là 22,93 tỷ đồng, đạt 123,76% so với năm 2019).

## 2. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 : -13.915.394.570 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 : -9.783.165.366 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 tăng lỗ hơn so với năm 2019 là 4.132.229.204 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng lỗ 42,24%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Năm 2020 (1)	Năm 2019 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	1.818.182	0	1.818.182	
2. Giá vốn hàng bán	0	0	0	
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	1.818.182	0	1.818.182	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	879.341.960	465.564.094	413.777.866	188,88%
5. Chi phí tài chính	102.652.759	7.592.694	95.060.065	1.351,99%
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.387.764.352	9.654.826.098	732.938.254	107,59%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	-9.609.256.969	-9.196.854.698	-412.402.271	104,48%
9. Thu nhập khác	181.082.545	4.379.399.060	-4.198.316.515	4,13%
10. Chi phí khác	3.478.881.868	4.375.595.060	-896.713.192	79,51%
11. Lợi nhuận khác	-3.297.799.323	3.804.000	-3.301.603.323	-86.692,94%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-12.907.056.292	-9.193.050.698	-3.714.005.594	140,40%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.008.338.278	590.114.668	418.223.610	170,87%
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>-13.915.394.570</b>	<b>-9.783.165.366</b>	<b>-4.132.229.204</b>	<b>142,24%</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 kính báo cáo và cam kết nội dung giải trình trên là đúng sự thật.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT,TC, đăng web.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**